

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, thay thế lĩnh vực
Chính quyền địa phương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPVP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-BNV ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế lĩnh vực Chính quyền địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 62/TTr-SNV ngày 21 tháng 02 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, thay thế lĩnh vực Chính quyền địa phương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh cập nhật thủ tục hành chính lên Cơ sở dữ liệu Công Dịch vụ công quốc gia và niêm yết, công khai tại Trung tâm Hành chính công theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Chính quyền địa phương được công bố tại Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Nông.



Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ml*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC, NCKSTT.

1



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Thanh Tùng



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, THAY ĐỔI LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ

(Ban hành Kèm theo Quyết định số 271 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)



Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
01	Thủ tục thành lập thôn mới, tổ dân phố.	1. Thành phần hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã về thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. - Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Sự cần thiết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. + Tên gọi của thôn mới, tổ dân phố mới. + Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, tổ dân phố mới. 	1. Trình tự thực hiện <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. - Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới về Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án. - Bước 3: Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố. - Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố. - Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân



		<p>+ Các điều kiện khác quy định tại Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ.</p> <p>+ Đề xuất, kiến nghị.</p> <p>- Tổng hợp kết quả lấy ý kiến và biên bản lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới về Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.</p> <p>- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc thông qua Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 02 (bộ).</p>	<p>trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>- Bước 4: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Trung tâm Hành chính công chuyển Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>- Bước 5: Sở Nội vụ nghiên cứu, thẩm định hồ sơ, đề án, thực hiện quy trình lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; tổng hợp các ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo ý kiến góp ý (nếu có).</p> <p>- Bước 6: Căn cứ vào hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.</p> <p>2. Thời gian giải quyết:</p>	<p>phổ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.</p> <p>- Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông.</p>
--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

			<p>tổ dân phố mới.</p> <p>2. Thời gian giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá 14,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ đầy đủ hợp pháp của UBND cấp huyện. - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc. 		
--	--	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

Tổng số: 01 TTHC sửa đổi, thay thế.